



TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIÊN THÔNG VIỆT NAM
BỆNH VIỆN ĐA KHOA BƯU ĐIỆN

Số: *25*/YCBG-BV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp HCM, ngày *13* tháng *6* năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty/Đơn vị cung cấp vật tư chấn thương chỉnh hình, chỉnh hình cột sống

Hiện tại, Bệnh viện Đa Khoa Bưu Điện đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức nhà thầu cho gói thầu: “HH-Mua sắm vật tư chấn thương chỉnh hình, chỉnh hình cột sống năm 2024-2025” theo danh mục đính kèm tại **Phụ lục 1** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá

- Đơn vị yêu cầu chào giá: Bệnh viện đa khoa Bưu Điện
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Họ tên: CN. Trần Thị Ngoan
Chức vụ: Nhân viên – P. VT.TBYT
Số ĐT: 028.38687117 (Gặp CN. Ngoan)
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ báo giá bản cứng trực tiếp tới Bệnh viện Đa khoa Bưu điện - MM12 Trường Sơn, Phường 15 Quận 10, Tp.HCM.
 - Gửi email xác nhận tham gia với thời gian dự kiến gửi Hồ sơ chào giá đến bệnh viện đề địa chỉ email: tothauvattu.bvdkbuudien@gmail.com (*Lưu ý: Email không đính kèm các chứng từ đã/sẽ gửi trong Hồ sơ chào giá – Liên hệ làm rõ Hồ sơ chào giá -nếu cần thông qua Email*).
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày *13/6/2024* Đến trước 16h30 ngày *24/6/2024*. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày

II. Nội dung yêu cầu của báo giá

- Danh mục hàng hóa Yêu cầu báo giá: Phụ lục 1
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện Đa khoa Bưu Điện – MM12 Đường Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.
- Bảng báo giá của Quý Công ty: Mẫu báo giá theo Phụ lục 2.
Hãng sản xuất, đơn vị cung cấp gửi về các nội dung sau đây:
 - Tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, catalogue sản phẩm và các tài liệu liên quan của hàng hóa.

- Tài liệu chứng minh hàng hóa đủ điều kiện lưu hành trên thị trường theo các quy định hiện hành.
 - Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc hợp đồng theo kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có).
 - Hợp đồng tương tự đã thực hiện gần nhất với các cơ sở y tế khác.
4. Yêu cầu về hồ sơ báo giá:
- Báo giá: Giá đã bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển giao hàng.
 - Tất cả tài liệu trong hồ sơ báo giá phải được đại diện hợp pháp của đơn vị ký tên đóng dấu.
 - Các tài liệu để vào trong 01 túi dán kín và niêm phong.

Trân trọng!

Nơi nhận: - Như trên

Lưu: - VT, P. VT-TBYT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS.BS CKII Hồ Minh Lê

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC YÊU CẦU BÁO GIÁ
Đính kèm theo Yêu Cầu Số 235 ngày 19/6/2024

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I. VẬT TƯ CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH CỘT SỐNG (21 mặt hàng)					
I. Bộ A					
1	Vít chân cung đa trục đầu nắn trượt các cỡ kèm vít khóa trong	Chất liệu Ti-6Al-4V Đầu vít có 3 lưỡi, giúp vít có thể đi nhanh hơn vào xương. Vít tự taro, thân vít đặc. Đầu vít có phần nắn trượt hỗ trợ nắn chỉnh đốt sống. Đường kính 4.5mm tương ứng với chiều dài 25-40mm Đường kính 5.0mm tương ứng với chiều dài 30-45mm Đường kính 5.5mm tương ứng với chiều dài 30-50mm Đường kính 6.0mm tương ứng với chiều dài 30-55mm Đường kính 6.5-7.5mm tương ứng với chiều dài 30-100mm Đường kính 8.0mm tương ứng với chiều dài 35-70mm	Cái	300	
2	Vít chân cung rỗng đa trục đầu nắn trượt các cỡ kèm vít khóa trong	Chất liệu Ti-6Al-4V Đầu vít có 3 lưỡi, giúp vít có thể đi nhanh hơn vào xương. Vít tự taro. Thân vít rỗng có thể bơm xi măng vào đốt sống qua thân vít. Đầu vít có phần nắn trượt hỗ trợ nắn chỉnh đốt sống Đường kính 4.5mm tương ứng với chiều dài 25-40mm Đường kính 5.0mm tương ứng với chiều dài 30-45mm Đường kính 5.5mm tương ứng với chiều dài 30-50mm Đường kính 6.0mm tương ứng với chiều dài 30-55mm Đường kính 6.5-7.5mm tương ứng với chiều dài 30-100mm Đường kính 8.0mm tương ứng với chiều dài 35-70mm	Cái	100	
3	Nẹp dọc các cỡ tương ứng với vít chân cung	Chất liệu Ti-6Al-4V Dùng cho bắt vít chân cung các loại, 2 đầu lục giác. Đường kính 5.5mm, độ dài từ 25mm-50mm với bước tăng 5mm, từ 50mm-200mm với bước tăng 10mm, từ 200mm-500mm với bước tăng 50mm.	Cái	250	
4	Đĩa đệm cột sống lưng nhân tạo có răng cưa loại cong các cỡ	Chất liệu Peek Thiết kế phù hợp cho đường mổ nhỏ. Thiết kế lỗ ổn định 3 tầng, có răng giúp giữ chắc vào xương. Sản phẩm được thiết kế thon gọn dễ chèn vào đốt sống. Có khả năng thích ứng với cơ thể cao. Trợ cụ đơn giản, thiết kế tiện dụng Có 0°, độ cao 8/9/10/11/12/13/14mm, chiều dài 26/28/30/32mm	cái	100	
5	Nẹp ngang các cỡ tương ứng với vít chân cung	Chất liệu Ti-6Al-4V Dùng cho bắt vít vít chân cung Wiltrom các loại Chiều dài điều chỉnh được Đường kính 3.0mm, độ dài từ 40mm-90mm	cái	20	
2. Bộ B					
6	Kim chọc dò dùng trong bơm xi măng, vật liệu nhựa và thép không gỉ	Dạng T-hand có nòng rỗng và lõi bên trong, thân chia vạch, mũi vát nhọn, cỡ 11G, 13G dài 125mm, tương thích xi măng sinh học.	Cái	200	
7	Xi măng xương sinh học	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha Xi măng có khả năng chống phóng xạ cao chứa 60% ZrO2. Đóng gói bao gồm: 20 xi măng sinh học và 8.5g dung dịch pha. Thời gian đông cứng: 7-15 phút tùy theo nhiệt độ phòng.	Hộp	50	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
3. Bộ C					
8	Ốc khóa tự gãy dùng cho bắt vít qua da, bơm xi măng	<p>Ốc khóa tự gãy dùng cho bắt vít qua da, bơm xi măng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium - Medi - Kích cỡ: Nhỏ, đơn giản, đường kính nhỏ 3.7mm x 9;10mm - Có thiết kế ren ốc 1 chiều, ren bên ngoài ăn khớp với ren trong của đầu vít, tránh tự tháo, chống bung ra ngoài. - Được thiết kế đầu khóa hình ngôi sao tránh tuôn và trượt khi xiết chặt. - Đầu vít khóa dạng hình ngôi sao tránh tuôn và trượt khi xiết chặt dùng trong phẫu thuật cột sống ít xâm lấn, tương thích với hệ thống theo dõi chức năng thần kinh tủy sống, - Sử dụng với vít đa trục rỗng nòng qua da, bơm xi măng và nẹp dọc uốn sẵn đường kính 5.5mm. 	Cái	150	
9	Thanh dọc uốn sẵn dùng cho vít qua da và bơm xi măng, dài 50-120mm	<p>Thanh dọc uốn sẵn dùng cho vít qua da và bơm xi măng,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium - Medi - Uốn cong sẵn, đường kính 5.5mm - Một đầu rod nhọn để luồn xuyên qua da và cơ, một đầu lắp dụng cụ để điều chỉnh hướng vào của rod. - Dài từ 50 đến 120mm, bước tăng 5mm - Dùng trong phẫu thuật cột sống ít xâm lấn, kỹ thuật bắt vít qua da và bơm xi măng - Tương thích với hệ thống theo dõi chức năng thần kinh tủy sống. 	Cái	60	
10	Vít đa trục rỗng nòng qua da dùng trong phẫu thuật ít xâm lấn tối thiểu, bơm xi măng	<p>Vít đa trục rỗng nòng bắt qua da, bơm xi măng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium - Medi, - Độ nghiêng tối thiểu: 25°, góc xoay 60° - Cấu tạo rỗng nòng, đầu vít có ít nhất 4 lỗ để xi măng vào thân sống - Đường kính: 4.0mm - 7.5mm - Chiều dài từ 25 đến 60mm, với mỗi bước tăng 0.5mm - Thân vít xoắn ốc đa hướng tự taro, đầu vít được thiết kế khóa ngàm đơn. Cánh ren đôi trên thân vít, chia làm 2 phần: <ul style="list-style-type: none"> + Ren lớn cho đầu vít vào dễ dàng + Ren nhỏ làm bám chắc chân cung. - Công nghệ bước ren đôi, (khả năng chống nung nóng và oxy hóa cao) tương thích với hệ thống theo dõi chức năng thần kinh tủy sống. - Dùng với nẹp dọc uốn sẵn đường kính 5.5mm nếu bắt vít qua da kèm vít khóa trong. 	Cái	150	
4. Bộ E					
11	Nẹp gắn liền đĩa đệm dùng trong phẫu thuật cột sống cổ	<p>Gồm:</p> <p>1 đĩa đệm vật liệu bằng PEEK. 2 điểm đánh dấu bằng titanium. Độ dày của răng cưa: 0.5mm. Bên trong có khoang chứa xương lớn. Kích thước: chiều sâu 12mm x chiều rộng 15mm x chiều cao: 5-6-7mm (khoảng cách từ thành tường phía trước đến điểm đánh dấu là 0.95mm và khoảng cách từ thành tường phía sau đến điểm đánh dấu là 1.3mm); chiều sâu 14mm x chiều rộng 17mm x chiều cao: 5-6-7mm (khoảng cách từ thành tường phía trước đến điểm đánh dấu là 1.2mm và khoảng cách từ thành tường phía sau đến điểm đánh dấu là 1.75mm)</p> <p>1 nẹp: độ dày 1mm x chiều dài: 25mm x chiều rộng 7.5mm, có 2 lỗ để bắt vít.</p>	Cái	20	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
12	Vít dùng trong phẫu thuật cột sống cổ	Vật liệu titanium, đk 4mm x chiều dài 12-14-16-18mm; đk 4.5mm x chiều dài 14-16-18mm, tương thích với nẹp gắn liền đĩa đệm cột sống cổ.	Cái	50	
5. Vật tư không theo bộ					
13	Bộ xi măng tạo hình thân đốt sống	<p>- Xi măng sinh học tạo hình thân đốt sống Wiltrom: ít co giãn, độ nhớt trung bình, có thể tự đông đặc với nồng độ cao, thành phần chắn bức xạ cao (Zirconium Dioxide 45%), giúp phẫu thuật viên quan sát tốt trong quá trình bơm vào thân đốt sống.</p> <p>Nhiệt độ tỏa ra sau khi pha thấp giúp ca phẫu thuật an toàn hơn.</p> <p>Có cơ chế hỗ trợ bơm và chống tràn xi măng.</p> <p>Thành phần: CM-V01L (dung dịch) 9.2g: Methyl methacrylate 99.3%, N, N dimethyl-p-toluidine 0.7%, Hydroquinone 75 ppm.</p> <p>CM-V01P (bột) 25.8g: Poly methyl methacrylate 54.6%, Benzoyl peroxide 0.4%, Zirconium dioxide 45.0%.</p> <p>- 1 bộ bao gồm: kim chọc, xi măng, bơm áp lực đẩy xi măng.</p>	Bộ	30	
14	Bộ xi măng tạo hình thân đốt sống có cốt nâng	<p>- Xi măng sinh học tạo hình thân đốt sống Wiltrom: ít co giãn, độ nhớt trung bình, có thể tự đông đặc với nồng độ cao, thành phần chắn bức xạ cao (Zirconium Dioxide 45%), giúp phẫu thuật viên quan sát tốt trong quá trình bơm vào thân đốt sống.</p> <p>Nhiệt độ tỏa ra sau khi pha thấp giúp ca phẫu thuật an toàn hơn.</p> <p>Có cơ chế hỗ trợ bơm và chống tràn xi măng.</p> <p>Thành phần: CM-V01L (dung dịch) 9.2g: Methyl methacrylate 99.3%, N, N dimethyl-p-toluidine 0.7%, Hydroquinone 75 ppm.</p> <p>CM-V01P (bột) 25.8g: Poly methyl methacrylate 54.6%, Benzoyl peroxide 0.4%, Zirconium dioxide 45.0%.</p> <p>- Cốt nâng Tripod-fix được thiết kế bằng chất liệu Ti-6Al-4V, đường kính 5.0mm tương ứng chiều dài 25mm. Có cơ chế mở rộng ba chiều cung cấp sự hỗ trợ vững chắc cho việc phục hồi chiều cao của thân đốt sống. 3 chấu có khả năng co giãn tùy chỉnh giúp nâng đốt sống bị xẹp trước khi bơm xi măng vào đốt sống.</p> <p>- 1 bộ bao gồm: kim chọc, xi măng, bơm áp lực đẩy xi măng, tạo hình thân đốt sống có cốt nâng</p>	Bộ	5	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
15	Vít cột sống lưng phủ H.A đa trục, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium Alloy Ti-6Al-4V ELI theo tiêu chuẩn ASTM F136. - Đầu vít dạng hoa Tulip. - Mũi vít nhọn và có 2 rãnh cắt giúp vít tự taro, dễ dàng bắt vào xương. - Thân vít có 2 loại ren: 2/3 ren trước là ren bên, bắt vào xương xốp (thân đốt sống); 1/3 ren sau là ren tù, bắt vào vỏ xương (chân cung). - Thân vít được phủ lớp HA (Hydroxylapatite) giúp đẩy nhanh quá trình liên kết giữa vít và xương, phù hợp cho bệnh nhân bị loãng xương. - Vít đa trục thay đổi được góc giữa thân và mũ vít. Góc xoay thay đổi từ 0 độ đến 60 độ. - Đường kính thân vít: từ 4.0mm đến 7.0mm, bước tăng 0.5 mm - Chiều dài thân vít: từ 20mm đến 60mm mỗi bước tăng 5 mm. - Đa màu sắc, dễ phân biệt kích thước. - Kèm theo ốc khóa trong, đường kính từ 9mm đến 11mm. Thiết kế của đầu ốc hình ngôi sao/hoa mai, tương thích với các trụ cụ hãng. Ren ốc khóa trong thể hệ mới, giúp chống tháo vít, chống leo ren, giữ chặt thanh nối ROD tạo sự vững chắc cho hệ thống cấy ghép. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016. - Đã tiệt trùng sẵn, đóng gói riêng lẻ theo hộp, hạn sử dụng lâu dài (5 năm). - Dùng tương thích với bộ trụ cụ hãng. 	Cái	150	
16	Thanh nối ROD (Độ dài 100mm - 160mm)	<p>Thanh nối ROD (Độ dài 100mm - 160mm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium Alloy Ti-6Al-4V ELI theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Thiết kế dạng thanh tròn đặc, 2 đầu: một đầu tròn, một đầu có hình lục giác. - Thanh nối ROD được khắc đường kẻ bằng laser giúp định hướng khi uốn. - Thanh nối ROD dùng tương thích với vít chân cung đơn - đa trục các loại. - Đường kính: 5.5mm - Chiều dài từ: 100mm đến 160mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 - Đã tiệt trùng sẵn, đóng gói riêng lẻ theo hộp, hạn sử dụng lâu dài (5 năm). - Dùng tương thích với bộ trụ cụ hãng. 	Cái	20	
17	Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, các cỡ	<p>Đĩa đệm PLIF-Bullet</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu : PEEK (ASTM F2026) và Titanium Alloy Ti-6Al-4V ELI (ASTM F136). - Hình viên đạn. - Hai mặt lồi phù hợp với sinh lý cột sống thắt lưng, mặt trên và dưới có thiết kế răng cưa giúp chống di lệch, độ dày răng cưa 0.5mm. - Khoảng nhồi xương lớn từ: 0.4cc đến 1.4cc tùy size. - Có 3 điểm đánh dấu bằng titanium giúp xác định vị trí đặt dễ dàng. - Chiều rộng: 10mm - Chiều dài: từ 22mm đến 30mm - Chiều cao/ Đường kính : 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13mm - Góc nghiêng/ Độ uốn: từ 0 độ đến 10 độ. - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016 - Đã tiệt trùng sẵn, đóng gói riêng lẻ theo hộp, hạn sử dụng lâu dài (5 năm) - Dùng tương ứng với bộ trụ cụ hãng 	Cái	100	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
18	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong, các cỡ	<p>Đĩa đệm TLIF-Kidney</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật đặt xoay giúp làm giảm chấn động lên thân sống cũng như đảm bảo được vị trí của miếng ghép sau khi đặt. - Vật liệu: PEEK (ASTM F2026) và Titanium Alloy Ti-6Al-4V ELI (ASTM F136). - Thiết kế dạng cong (hình trái chuối, hạt đậu) - Hai mặt lồi phù hợp sinh lý cột sống thắt lưng, mặt trên và dưới có thiết kế răng cưa giúp chống di lệch, độ dày răng cưa 0.7mm. - Khoảng nhồi xương lớn từ: 0.4cc đến 1.5cc tùy size. - Có 3 điểm đánh dấu bằng titanium giúp xác định vị trí đặt dễ dàng - Chiều rộng: từ 11mm đến 13mm - Chiều dài: từ 25mm đến 30mm - Chiều cao/ Đường kính : 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13mm - Bán kính cong từ 28 đến 34mm. - Góc nghiêng: 0 độ đến 10 độ. - Đĩa đệm có thể xoay một góc từ 10 độ đến 90 độ khi đặt. - Tiêu chuẩn : ISO 13485:2016. - Đã tiệt trùng sẵn, đóng gói riêng lẻ theo hộp, hạn sử dụng lâu dài (5 năm) - Dùng tương thích với bộ trợ cụ hãng 	Cái	50	
19	Thanh nối ngang	<p>Thanh nối ngang:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium Alloy Ti6Al4V ELI theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Có 2 đầu bắt vào thanh nối dọc (ROD), nối giữa 2 đầu là một thanh tròn có đường kính 4mm với chiều dài điều chỉnh thích hợp dùng cho tất cả các vị trí của cột sống. - Chiều dài: 20 đến 80mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016. - Đã tiệt trùng sẵn, đóng gói riêng lẻ theo hộp, hạn sử dụng lâu dài. - Dùng tương thích với bộ trợ cụ hãng. 	Cái	20	
20	Đốt sống nhân tạo dạng lồng Titanium, tăng đơ điều chỉnh độ dài có kèm vít khóa để cố định (Đk 16mm) dùng cho đoạn cột sống cổ	<p>Vật liệu: Titanium Alloy Ti-6Al-4V ELI theo tiêu chuẩn ASTM F136.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai đầu của đốt sống nhân tạo có nẹp với 4 lỗ để bắt vít vào thân đốt sống trên - dưới. - Phần thân hình trụ có khoang rỗng ghép xương và điều chỉnh được chiều dài tùy theo kích thước thân đốt sống cần thay thế. - Trên thân có từ 2 đến 3 ốc khóa để cố định khi điều chỉnh đủ chiều dài cần thiết. - Đường kính: 16mm. - Độ dài: từ 20mm đến 42.5 mm. - Góc uốn từ -10 độ đến 10 độ. Biên độ tăng chỉnh chiều cao mỗi size từ 0 đến 20mm. - Kèm theo Vít có đường kính 4.0mm, giúp cố định đốt sống nhân tạo vào cột sống. - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016. - Đã tiệt trùng sẵn, đóng gói riêng lẻ theo hộp, hạn sử dụng lâu dài (5 năm). Dùng tương thích với bộ trợ cụ hãng.C34 	Cái	5	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
21	Đốt sống nhân tạo, dạng lồng Titanium thân rỗng (Đk 16mm) dùng cho đoạn cột sống ngực, thắt lưng - cùng	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium Alloy Ti-6Al-4V ELI theo tiêu chuẩn ASTM F136. - Thiết kế hình trụ tròn dạng lưới giúp tăng độ bám và phục hồi của xương. - Chiều dài có thể thay đổi tùy theo kích thước của thân đốt sống cần thay thế. - Phần trung tâm rỗng tạo khoảng trống để chứa xương ghép vào trong dễ dàng. - Thành ngoài có các khoảng hở, tạo mặt tiếp xúc để xương ghép kết dính với xương xung quanh. - Đường kính: 16mm. Độ dài: từ 20mm đến 50 mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 - Đã tiệt trùng sẵn, đóng gói riêng lẻ theo hộp, hạn sử dụng lâu dài (5 năm). - Dùng tương thích với bộ trợ cụ hãng. 	Cái	10	

II. VẬT TƯ PHẪU THUẬT CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH (120 mặt hàng)

I. Bộ nẹp vít 1

22	Nẹp khóa căng tay 4-12 lỗ, chất liệu titanium.	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium - Thân nẹp có 4/5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ ứng với chiều dài 52/65/78/91/104/117/130/143/156mm, khoảng cách lỗ 13mm. - Nẹp dày 3.3mm, rộng 11mm. - Thân nẹp lỗ kết hợp dùng vít khóa 3.5 tự taro và vít xương cứng đk 3.5mm. 	Cái	50	
23	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay, mặt trong/ngoài, có móc (trái, phải), 3-13 lỗ, chất liệu titanium.	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium - Nẹp mặt ngoài có 8 lỗ đầu, sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm, thân có 3/5/7/9/11/13 lỗ thân dài 90.3/116.3/142.3/168.3/194.3/220.3mm, khoảng cách lỗ 16mm. - Nẹp dày 2.5mm, rộng 11.15mm. - Thân nẹp lỗ kết hợp vít khóa đường kính 3.5mm tự taro 3.5 và vít xương cứng đường kính 3.5mm tự taro. - Nẹp mặt trong có 5 lỗ đầu, sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm, thân có 3/5/7/9/11/13 lỗ, dài 90/120/150/180/210mm, khoảng cách lỗ 30mm. - Nẹp dày 3mm, rộng 10mm. - Thân nẹp lỗ kết hợp vít khóa đường kính 3.5mm tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm tự taro. 	Cái	20	
24	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi nén ép, trái/phải, 6-14 lỗ, chất liệu titanium.	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium - Nẹp có 6 lỗ đầu, thân nẹp có 6/8/10/12/14 lỗ, tương ứng chiều dài 169/208/247/287/326 mm, dày 6mm, rộng 16mm. - Nẹp dày 6mm, rộng 16mm. - Thân nẹp lỗ kết hợp vít khóa 5.0mm tự taro và vít xương cứng 4.5mm tự taro. 	Cái	20	
25	Nẹp khóa đầu dưới xương quay 3 lỗ đầu (trái, phải). Chất liệu titanium.	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium - Nẹp có 3 lỗ đầu, thân có 3/4/5 lỗ, tương ứng chiều dài 52/63/74mm, dày 1.6mm, rộng 10mm, khoảng cách lỗ 11mm. - Nẹp dày 1.6mm, rộng 10mm. - Thân nẹp lỗ vít kết hợp vít khóa 3.5mm và vít xương cứng 3.5mm tự taro. 	Cái	25	
26	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, chất liệu titanium.	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium - Nẹp có 10 lỗ đầu, sử dụng vít khóa 3.5mm, 3/5/7/9/11/13 lỗ thân ứng với chiều dài 102/126/150/174/198/222mm - Nẹp dày 3mm, rộng 11.7mm, khoảng cách lỗ 12mm. - Thân nẹp lỗ kết hợp vít khóa 3.5mm tự taro và vít xương cứng 3.5 tự taro. 	Cái	10	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
27	Nẹp khóa đầu trên xương chày (mặt ngoài, mặt trong) nén ép, trái/ phải	- Chất liệu titanium - Nẹp mặt trong có 4 lỗ đầu, thân nẹp có 3/5/7/9/11 lỗ, tương ứng chiều dài 96/132/168/204/240mm. - Nẹp dày 3mm, rộng 15.5mm. - Nẹp mặt ngoài có 4 lỗ đầu, thân có 3/5/7/9/11/13 lỗ, tương ứng chiều dài 88/124/160/196/232/268mm, - Nẹp dày 3.7mm, rộng 14mm. - Thân nẹp lỗ kết hợp dùng vít khóa 5.0mm tự taro và vít xương cứng 4.5mm tự taro, chất liệu titanium.	Cái	30	
28	Nẹp khóa mắc xích, 4-18 lỗ, chất liệu titanium.	- Chất liệu titanium - Thân nẹp có 4/5/6/7/8/10/12/14/16/18 lỗ, tương ứng chiều dài 46/58/70/82/94/118/142/166/190/214mm. - Nẹp dày 2.8mm, rộng 10mm. - Dùng vít khóa 3.5mm tự taro.	Cái	50	
29	Nẹp mini (bàn ngón) thẳng chữ Y/T, chất liệu titanium.	- Chất liệu titanium - Nẹp thẳng đường kính 1.5 có 4/5/6/8/10 lỗ tương ứng chiều dài 21/26/31/41/51mm. Nẹp thẳng đường kính 2.0 có 2/3/4/5/6/7/8/9/10 lỗ tương ứng chiều dài 17/24/31/38/45/52/59/66/73mm. - Nẹp chữ Y đường kính 1.5 có 3 lỗ đầu 8 lỗ thân dài 46.1mm. Nẹp chữ đường kính Y 2.0 có 3 lỗ đầu, thân có 4/5/6/7/8/9 lỗ tương ứng chiều dài 34.7/41.5/48.2/55/61.8/68.5mm. - Nẹp chữ T đường kính 1.5 có 3 lỗ đầu 8 lỗ thân dài 45.8mm.	Cái	30	
30	Nẹp khóa móc cùng đôn, trái/phải, 4-6 lỗ chất liệu titanium.	- Chất liệu titanium. - Nẹp có 1 lỗ đầu, thân có 4/6 lỗ tương thích với chiều dài 52/75 mm. - Móc nẹp cao 12/15/18mm, nẹp dày 3mm, rộng 10mm. - Tiêu chuẩn FDA ISO-CE	Cái	30	
31	Nẹp khóa mỡm khuy (đầu trên xương trụ), trái/ phải, chất liệu titanium.	- Chất liệu titanium - Nẹp có 9 lỗ đầu, thân có 2/4/6/8/10/12 lỗ, dài 80/106/132/158/184/210mm, khoảng cách lỗ 15mm. - Nẹp dày 3mm, rộng 10mm. - Thân nẹp lỗ kết hợp vít khóa 3.5mm tự taro và vít xương cứng 3.5mm tự taro.	Cái	10	
32	Nẹp khóa thân xương đôn, trái/phải, chất liệu titanium.	- Chất liệu titanium - Nẹp có 6/8/10 lỗ, tương ứng chiều dài 69.14/93.63/114.77mm, khoảng cách lỗ 12mm. - Nẹp dày 3mm, rộng 10mm. - Sử dụng vít khóa 3.5mm tự taro.	Cái	35	
33	Vít khóa 1.5/2.0 mm bàn ngón, chất liệu titanium	- Chất liệu titanium - Đường kính 1.5/2.0mm, dài 6-30mm, tự taro.	Cái	100	
34	Vít khoá 2.7 mm, chất liệu titanium	- Chất liệu Titanium Alloy, tự taro - Đầu ngói sao, đường kính ren 2.4/2.7mm; đường kính lõi 1.9 & 2.1mm, sử dụng mũi khoan 1.8/2.0mm - Chiều dài từ 6 - 40mm, bước nhảy 2mm	Cái	250	
35	Vít khoá 3.5mm, chất liệu titanium	- Chất liệu titanium. - Đầu vít hình sao. - Đường kính 3.5, dài 8-80mm.	Cái	1200	
36	Vít khoá 5.0mm, chất liệu titanium	- Chất liệu titanium. - Đầu vít hình lục giác. - Đường kính 5.0mm, dài 10-90mm, tự taro	Cái	700	
37	Vít xương cứng 3.5mm, chất liệu titanium	- Chất liệu titanium, toàn ren - Đường kính 3.5mm, đường kính thân 2.4mm, sử dụng mũi khoan 2.5mm chiều dài từ 10 - 60mm	Cái	600	
38	Vít xương cứng 4.5mm, chất liệu titanium	- Chất liệu titanium. - Đầu vít hình lục giác. - Đường kính 4.5mm, tự taro, dài 18-62mm.	Cái	250	

2. Bộ nẹp vít 2

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
39	Nẹp khóa đa hướng đầu ngoài xương đòn thể hệ II	Thiết kế nẹp bàn nhỏ, hạn chế bóc tách mô mềm. Thiết kế với bề mặt trơn láng với các góc cong, bằng Ti-6AL-4V tránh dính gân và mô mềm lên bề mặt nẹp. Cấu tạo bằng titanium tinh khiết tăng khả năng chịu lực uốn bẻ so với nẹp khóa thông thường 23%, tăng khả năng chống gãy mới 31%. Thiết kế mang tính giải phẫu làm tăng tối đa khả năng thích hợp với xương. Nẹp có 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9 lỗ, trái, phải, tương ứng chiều dài 64mm; 76mm; 88mm; 100mm; 112mm; 124mm; 135mm, dày 3.3mm, chiều rộng 10.5mm, khoảng cách giữa các lỗ 12mm, đầu nẹp sử dụng vít khóa đa hướng 2.7mm. Lỗ bắt vít hình giọt nước phù hợp cho lựa chọn bắt vít khóa hoặc vít vò. Sử dụng vít khóa đa hướng đường kính 3.5 mm, vít vò đường kính 3.5 mm.	Cái	15	
40	Vít khóa đa hướng tương thích với hệ thống nẹp khóa đa hướng, đường kính 2.7mm	- Tương thích với hệ thống nẹp khóa đa hướng, tự ta-rô. - Đường kính 2.7 mm, được thiết kế với góc khóa thay đổi 15 độ - Chiều dài 8-60 mm, bước tăng 2mm. - Cấu tạo bằng titanium tinh khiết tăng khả năng chịu lực uốn bẻ so với nẹp khóa thông thường 23%, tăng khả năng chống gãy mới 31%. Thiết kế mang tính giải phẫu làm tăng tối đa khả năng thích hợp với xương	Cái	40	
41	Vít khóa đa hướng tương thích với hệ thống nẹp khóa đa hướng, đường kính 3.5mm	- Tương thích với hệ thống nẹp khóa đa hướng, tự ta-rô. - Đường kính 3.5 mm, được thiết kế với góc khóa thay đổi 15 độ - Chiều dài 10-50 mm, bước tăng 2mm và 50-95 mm, bước tăng 5mm - Cấu tạo bằng titanium tinh khiết tăng khả năng chịu lực uốn bẻ so với nẹp khóa thông thường 23%, tăng khả năng chống gãy mới 31%. Thiết kế mang tính giải phẫu làm tăng tối đa khả năng thích hợp với xương	Cái	100	
42	Vít vò tương thích với hệ thống nẹp khóa đa hướng đường kính 3.5mm	- Đường kính 3.5 mm, chiều dài 10-50 mm, bước tăng 2mm và 50-80 mm, bước tăng 5mm - Cấu tạo bằng titanium tinh khiết tăng khả năng chịu lực uốn bẻ so với nẹp khóa thông thường 23%, tăng khả năng chống gãy mới 31%. Thiết kế mang tính giải phẫu làm tăng tối đa khả năng thích hợp với xương	Cái	40	
3. Bộ nẹp vít 3					
43	Nẹp khóa đa hướng căng chân các cỡ	4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10/ 11/ 12/ 14/ 16 lỗ ứng với chiều dài 94/ 112/ 130/ 148/ 166/ 184/ 202/ 222/ 238/ 274/ 310mm. Dùng vít 5.0 mm, lỗ vít ở hai đầu nẹp là lỗ vít khóa đa hướng. Chất liệu: pure titanium	Cái	25	
44	Nẹp khóa đa hướng căng tay các cỡ	4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10/ 11/ 12/ 14/ 16 lỗ ứng với chiều dài 63/ 76/ 89/ 102/ 115/ 128/ 141mm. Dùng vít 4.0 mm, lỗ vít ở hai đầu nẹp là lỗ vít khóa đa hướng. Chất liệu: pure titanium	Cái	30	
45	Nẹp khóa đa hướng cánh tay các cỡ	4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10/ 11/ 12/ 14/ 16 lỗ ứng với chiều dài 67/ 80/ 93/ 106/ 119/ 132/ 145/ 158/ 171mm. Dùng vít 4.0 mm, lỗ vít ở hai đầu nẹp là lỗ vít khóa đa hướng. Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa và vít nén ép). Chất liệu: pure titanium	Cái	25	
46	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương mác các cỡ	3/ 4/ 5/ 6/ 7/ 8 lỗ ứng với chiều dài 74/ 86/ 98/ 110/ 122/ 134 mm. Dùng vít 4.0 mm, đầu nẹp có 3 lỗ vít khóa đa hướng. Chất liệu: pure titanium	Cái	32	
47	Nẹp khóa đa hướng đầu trên mâm chày (trái, phải) các cỡ	3/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10/ 11/ 13 lỗ ứng với chiều dài 99/ 139/ 159/ 179/ 199/ 219/ 239/ 259/ 299mm. Đầu nẹp có 6 lỗ vít khóa đa hướng, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa và vít nén ép). Dùng vít 5.0 mm. Chất liệu: titanium	Cái	65	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
48	Nẹp khóa đa hướng đầu trên xương cánh tay các cỡ	3/ 4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10 lỗ ứng với chiều dài 103/ 116/ 129/ 142/ 155/ 168/ 181/ 194mm. Dùng vít 4.0 mm, đầu nẹp có 9 lỗ vít khóa đa hướng và 1 lỗ vít hình tròn. Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa và vít nén ép). Chất liệu: pure titanium	Cái	52	
49	Nẹp khóa đa hướng đầu xa xương đòn (trái, phải) các cỡ	4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10 lỗ ứng với chiều dài 72/ 84/ 96/ 108/ 120/ 132/ 144mm. Dùng vít 2.7/ 4.0mm, đầu nẹp có 6 lỗ vít khóa đa hướng. Thân nẹp hình chữ S, lỗ vít hình tròn. Chất liệu: titanium	Cái	20	
50	Nẹp khóa đa hướng khớp cùng đòn (trái, phải) các cỡ	3/ 4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10 lỗ ứng với chiều dài 61/ 71/ 81/ 91/ 101/ 111/ 121/ 131mm. Dùng vít 4.0 mm, đầu nẹp có 2 lỗ vít khóa đa hướng. Chất liệu: pure titanium	Cái	13	
51	Nẹp khóa đa hướng lõi cầu ngoài cánh tay (trái, phải) các cỡ	5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10/ 11 lỗ ứng với chiều dài 99/ 111/ 123/ 135/ 147/ 159/ 171mm. Dùng vít 2.7/ 4.0 mm, đầu nẹp có 3 lỗ vít khóa đa hướng và 2 lỗ vít hình tròn. Thân nẹp lỗ vít hình tròn và 1 lỗ vít nén ép. Chất liệu: titanium	Cái	13	
52	Nẹp khóa đa hướng lõi cầu trong cánh tay (trái, phải) các cỡ	4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10 lỗ ứng với chiều dài 79/ 91/ 103/ 115/ 127/ 139/ 151mm. Dùng vít 2.7/ 4.0 mm, đầu nẹp có 3 lỗ vít khóa đa hướng. Thân nẹp lỗ vít hình tròn và 1 lỗ vít nén ép. Chất liệu: titanium	Cái	13	
53	Nẹp khóa đa hướng mắc xích các cỡ	4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10/ 12/ 14/ 16 lỗ ứng với chiều dài 70/ 85/ 100/ 115/ 130/ 145/ 160/ 175/ 190/ 205mm. Thân nẹp hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa và vít nén ép), lỗ vít ở hai đầu nẹp là lỗ vít khóa đa hướng. Dùng vít 4.0 mm. Chất liệu: pure titanium	Cái	52	
54	Nẹp khóa đa hướng ốp lõi cầu đùi (trái, phải) các cỡ	4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10/ 11/ 12/ 13 lỗ ứng với chiều dài 139/ 159/ 179/ 199/ 219/ 239/ 259/ 279/ 299/ 319mm. Đầu nẹp có 8 lỗ vít khóa đa hướng, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa và vít nén ép). Dùng vít 5.0 mm. Chất liệu: pure titanium	Cái	39	
55	Nẹp khóa đa hướng xương đòn S (trái, phải) các cỡ	6/ 7/ 8/ 9/ 10 lỗ ứng với chiều dài 69/ 81/ 93/ 105/ 117mm. Dùng vít 4.0 mm, lỗ vít ở hai đầu nẹp là lỗ vít khóa đa hướng. Chất liệu: pure titanium	Cái	26	
56	Nẹp khóa DHS các cỡ	3/ 4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10/ 11/ 12 lỗ ứng với chiều dài 91/ 107/ 123/ 139/ 155/ 171/ 187/ 203/ 219/ 235 mm. Dùng vít 5.0 mm. Chất liệu: titanium.	Cái	26	
57	Vít khóa 2.7 các cỡ	Đường kính 2.7mm x chiều dài 6-30mm với mỗi bước tăng 2mm, 35-60mm với mỗi bước tăng 5mm, toàn ren (full Thread). Chất liệu: Titanium.	Cái	390	
58	Vít khóa 4.0 các cỡ	Chiều dài 12 - 60mm, với mỗi bước tăng 2mm. Toàn ren (Full Thread). Đường kính 4.0mm. Chất liệu: titanium.	Cái	900	
59	Vít khóa 5.0 các cỡ	Chiều dài 18 - 60mm, với mỗi bước tăng 2mm và 65 - 90mm với mỗi bước tăng 5mm. Toàn ren (Full Thread). Đường kính 5.0mm. Chất liệu: titanium.	Cái	600	
60	Vít vỏ 4.0 các cỡ	Chiều dài 12 - 60 mm, với mỗi bước tăng 2mm. Toàn ren (Full Thread). Đường kính 4.0mm. Chất liệu: titanium.	Cái	130	
61	Vít vỏ 5.0 các cỡ	Chiều dài 18 - 60mm, với mỗi bước tăng 2mm và 65 - 90mm với mỗi bước tăng 5mm. Toàn ren (Full Thread). Đường kính 5.0mm. Chất liệu: titanium.	Cái	130	

4. Bộ nẹp vít 4

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
62	Nẹp khóa bản hẹp dùng vít 3.5mm/4.0mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Rộng 12mm; dày 3.6mm; chỉ định dùng cho các trường hợp gãy xương, không liền xương ở vị trí xương cánh tay, xương đòn, xương trụ... và đặc biệt là trường hợp loãng xương - Chất liệu Titan, F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - Dùng kết hợp với: <ul style="list-style-type: none"> + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xoắn Ø 3.5 mm + Vít xoắn Ø 4.0 mm 	Cái	40	
63	Nẹp khóa bản hẹp vít 4.5/5.0mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Rộng 14mm; dày 4.9mm; chỉ định dùng cho các trường hợp cố định xương gãy ở nhiều vị trí khác nhau: xương cánh tay, xương đùi, xương chày. - Số lỗ: 4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,18,20 dài 76/96/112/130/148/166/184/202/220/238/256/274/292/328/364mm - Chất liệu Titan, F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - dùng kết hợp với: <ul style="list-style-type: none"> + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xoắn Ø 5.0mm 	Cái	40	
64	Nẹp khóa bản rộng các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Rộng 17.6mm; dày 5.6mm; chỉ định dùng cho các trường hợp gãy xương nhiều vị trí gãy khác nhau: xương cánh tay, xương đùi, xương chày. - Số lỗ: 4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,18,20 dài 78/96/114/132/150/168/186/204/222/240/268/276/284/330/366mm - Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - Dùng kết hợp với: <ul style="list-style-type: none"> + Vít khóa Ø 5.0 mm + Vít cứng Ø 4.5 mm + Vít khóa xoắn Ø 5.0 mm 	Cái	20	
65	Nẹp khóa titanium bản nhỏ các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Rộng 10mm; dày 3mm; chỉ định dùng cho xương đòn, xương bả vai, xương cánh tay, xương quay, xương trụ, xương trị, đầu dưới xương chày, xương mác và đặc biệt là trường hợp loãng xương - Số lỗ: 4,5,6,7,8,9,10,11,12,14 dài 58/71/84/97/110/123/136/149/162/188mm - Chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - Dùng kết hợp với: <ul style="list-style-type: none"> + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm + Vít khóa xoắn Ø 3.5 mm + Vít xoắn Ø 4.0 mm 	Cái	30	
66	Vít cứng 3.5mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Mũ vít khóa bên trong hình lục năng 6 cạnh - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu Titan, F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) 	Cái	98	
67	Vít cứng 4.5mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Mũ vít khóa bên trong hình lục năng 6 cạnh - Đường kính ren 4.5mm; dài từ 14mm đến 110mm - Chất liệu Titan, F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) 	Cái	98	
68	Vít khóa 3.5mm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh, tự taro - Đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - Chất liệu Titan, Ti6Al4V, F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) 	Cái	500	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
69	Vít khóa 5.0mm các cỡ	- Mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh, tự taro - Đường kính ren 5.0mm; dài từ 14mm đến 110mm - Chất liệu Titan, Ti6Al4V, F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe)	Cái	400	
5. Bộ nẹp vít 5					
70	Nẹp khóa căng chân/ cánh tay, titan	Chất liệu : titanium alloy Thân nẹp rộng 13.5mm, dày 4.6mm, khoảng cách giữa các lỗ vít 18mm Các lỗ thân 6/7/8/9/10/12/14 lỗ tương ứng chiều dài 109/127/145/163/181/217/253 Lỗ vít kết hợp, dùng vít khóa 5.0mm kết hợp vít xương cứng 4.5mm tự taro. Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất.	Cái	46	
71	Nẹp khóa căng tay, titan	Chất liệu : titanium alloy Lỗ kết hợp dùng vít khóa 3.5mm kết hợp vít xương cứng 3.5mm tự taro Thân rộng 10mm, dày 3mm, các lỗ 5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ tương ứng chiều dài 69/82/95/108/121/134/147/160mm, khoảng cách giữa các lỗ 13mm. Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất.	Cái	60	
72	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài, titan	Chất liệu titanium alloy. Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài: Đầu nẹp 5 lỗ, rộng 21.2mm, dày 2.5mm. Thân rộng 11mm, dày 2.5mm, các lỗ 3/5/7/9/11/13 lỗ tương ứng chiều dài 65/91/117/143/169/195mm, loại trái/ phải Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất.	Cái	26	
73	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt trong, titan	Chất liệu titanium alloy. Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt trong: 3 lỗ đầu, rộng 11mm, dày 2.5mm, các lỗ 3/5/7/9/11/13 lỗ thân tương ứng chiều dài 58/84/110/136/162/188mm. Lỗ kết hợp dùng vít khóa 2.7, 3.5mm kết hợp vít xương cứng 3.5mm tự taro. khoảng cách lỗ 13mm, loại trái/ phải Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất.	Cái	26	
74	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt ngoài, titan	Chất liệu : titanium alloy Đầu nẹp 4 lỗ đầu, rộng 24mm, dày 2.5mm. Thân rộng 11.1mm, dày 2.5mm, 5/7/9/11 lỗ tương ứng chiều dài 122/158/194/230mm Lỗ kết hợp dùng vít khóa 5.0mm kết hợp vít xương cứng 4.5mm, khoảng cách giữa các lỗ 14mm Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất.	Cái	26	
75	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong, titan	Chất liệu : titanium alloy Đầu nẹp 9 lỗ đầu, rộng 18.3mm, dày 3.8mm, có móc Loại trái/ phải, thân rộng 11.3mm, dày 3.8mm, các lỗ 6/8/10 lỗ tương ứng chiều dài 142/168/194mm. Lỗ kết hợp dùng vít khóa 3.5mm kết hợp vít xương cứng 3.5mm tự taro Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất.	Cái	39	
76	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, titan	Chất liệu : titanium alloy Đầu nẹp 7 lỗ, rộng 32mm, dày 5.5mm Thân rộng 16.1mm, dày 5.5mm, 5/7/9/11/13 lỗ tương ứng chiều dài 161/201/241/281/321mm, khoảng cách giữa các lỗ 20mm Lỗ vít kết hợp, dùng vít khóa 5.0mm kết hợp vít xương cứng 4.5mm tự taro. Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất.	Cái	20	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
77	Nẹp khoá đầu dưới xương mác, titan	Chất liệu: titanium alloy Đầu nẹp 5 lỗ, rộng 15.4mm, dày 2.4mm. Thân nẹp rộng 9.3mm, dày 2.4mm, 4/6/8/10/12 lỗ tương ứng chiều dài 91/115/139/163/187mm, khoảng cách giữa các lỗ 13mm Lỗ vít đơn sử dụng vít khóa 3.5mm. Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất.	Cái	65	
78	Nẹp khóa đầu dưới xương quay, titan	Chất liệu titanium alloy Thân rộng 9mm, dày 2mm, khoảng cách giữa các lỗ 9mm Đầu nẹp 4 lỗ, thân 3/5 lỗ tương ứng chiều dài 47.8/65.8mm, dùng vít khóa 2.5mm Đầu nẹp 5 lỗ, thân 3/5 lỗ tương ứng chiều dài 48.5/66.5mm, dùng vít khóa 2.5mm Lỗ kết hợp dùng vít khóa 2.7mm kết hợp vít xương cứng 2.7mm tự taro. Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất.	Cái	39	
79	Nẹp khóa đầu trên x trụ (mõm khuỷu) 3 - 13 lỗ, titan	Chất liệu: titanium alloy Đầu nẹp 9 lỗ, dày 3mm, rộng 15mm Thân nẹp dày 3mm, rộng 10mm, khoảng cách giữa các lỗ 13mm, các lỗ thân 3/5/7/9/11/13 lỗ tương ứng chiều dài 93/123/149/174.5/200/226mm Lỗ kết hợp dùng vít khóa 3.5mm kết hợp vít xương cứng 3.5mm tự taro.	Cái	13	
80	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, titan	Chất liệu : titanium alloy Đầu nẹp 9 lỗ, dày 3mm, rộng 20.2mm Thân rộng 12.4mm, dày 3mm, các lỗ thân 3/4/5/6/8/10/12 lỗ tương ứng chiều dài 90/102/114/146/178/210/242mm. Lỗ kết hợp dùng vít khóa 3.5mm kết hợp vít xương cứng 3.5mm tự taro Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất.	Cái	13	
81	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài, titan	Chất liệu : titanium alloy Lỗ kết hợp dùng vít khóa 5.0mm kết hợp vít xương cứng 4.5mm tự taro. Loại trái/ phải, thân rộng 15.5mm, dày 4.5mm, các lỗ 3/5/7/9/11/13 lỗ tương ứng chiều dài 105/145/185/225/265/305mm, khoảng cách giữa các lỗ 20mm. Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất.	Cái	34	
82	Nẹp khóa đầu trên xương đùi	- Đầu nẹp 4 lỗ, rộng 26.5mm, dày 6mm, dùng vít khóa rộng nòng 6.5mm Thân rộng 18mm, dày 6mm, các lỗ 5/7/9/11/13 lỗ tương ứng chiều dài 136/172/208/244/280mm - Đầu nẹp 6 lỗ, rộng 26.5mm, dày 6mm, dùng vít khóa rộng nòng 6.5mm Thân nẹp rộng 18mm, dày 6mm, 6/8/10/12/14 lỗ tương ứng chiều dài 192/228/264/300/336mm Lỗ vít kết hợp dùng vít khóa 5.0mm kết hợp vít xương cứng 4.5mm tự taro, khoảng cách giữa các lỗ 18mm	Cái	25	
83	Nẹp khóa DHS (bao gồm vít DHS), titan	Chất liệu : titanium alloy Đầu nẹp sử dụng vít DHS đường kính 12.5mm, dài 50-110mm, bước tăng 5mm. Góc 135 độ Thân rộng 19mm, dày 5.5mm, 3/4/5/6/8/10/12 lỗ tương ứng chiều dài 65/83/101/119/155/191/227mm, khoảng cách giữa các lỗ 18mm Lỗ kết hợp dùng vít khóa 5.0mm kết hợp vít xương cứng 4.5mm tự taro Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất.	Cái	13	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
84	Nẹp khóa mâm chày mặt trong chữ T, titan	Chất liệu: titanium alloy Lỗ kết hợp dùng vít khóa 5.0mm kết hợp vít xương cứng 4.5mm. Đầu nẹp 3 lỗ rộng 31mm, dày 3.8mm. Thân nẹp dày 3.8mm, rộng 13.5mm, các lỗ 4/ 5/ 6/ 8/ 10/ 12 lỗ tương ứng chiều dài 105/ 123/ 141/ 177/ 213/ 249mm, khoảng cách lỗ 18mm - Loại trái/ phải. Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất.	Cái	50	
85	Nẹp khoá móc cùng đòn 4-7 lỗ, titan	Chất liệu titanium alloy Chiều dài móc 12/15/18mm Thân rộng 11mm, dày 3.1mm, khoảng cách giữa các lỗ 15mm Các lỗ thân 4/5/6/7 lỗ tương ứng chiều dài 63.5/79/94.5/110mm Lỗ kết hợp dùng vít khóa 3.5mm kết hợp vít xương cứng 3.5mm tự taro	Cái	20	
86	Nẹp khóa xương đòn, titan	Chất liệu titanium alloy Thân rộng 10mm, dày 3mm, khoảng cách giữa các lỗ 13mm. Các lỗ thân 6/7/8/10 lỗ tương ứng chiều dài 88/101/114/137mm Lỗ kết hợp dùng vít khóa 3.5mm kết hợp vít xương cứng 3.5mm tự taro. Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất.	Cái	50	
87	Nẹp khóa xương đùi, titan	Chất liệu : titanium alloy Thân nẹp rộng 17.5mm, dày 5.5mm, khoảng cách giữa các lỗ vít 18mm Các lỗ 6/7/8/9/10/12/14/16/18 lỗ tương ứng chiều dài 110/128/146/164/182/218/254/290/326mm Lỗ vít kết hợp, dùng vít khóa 5.0 kết hợp vít xương cứng 4.5mm tự taro Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất.	Cái	26	
88	Vít khóa 2.7mm, titan	Chất liệu: titanium alloy Vít khóa đường kính 2.7mm dài 10-48mm bước tăng 2mm, dài 50-60mm bước tăng 5mm	Cái	281	
89	Vít khóa 3.5mm, titan	Chất liệu: titanium alloy Vít khóa đường kính 3.5mm dài 12-42 bước tăng 2mm, dài 45-60mm bước tăng 5mm. Đường kính mũ vít 5mm, độ sâu ren 1mm	Cái	1200	
90	Vít khóa 5.0mm, titan	Chất liệu: titanium alloy Vít khóa đường kính 5.0mm dài 14-50 bước tăng 2mm, dài 55-110mm bước tăng 5mm. Đường kính mũ vít 7mm, độ sâu ren 1.2mm.	Cái	1200	
91	Vít khóa 6.5mm x 60-120mm rộng nòng, titan	Chất liệu: titanium alloy Đường kính 6.5mm dài 60-120mm, bước tăng 5mm Đường kính mũ vít 8.5mm, độ sâu ren 2.7mm Tiêu chuẩn ISO, CE	Cái	70	
92	Vít xoắn rộng nòng 3.5mm, titan	Chất liệu: titanium alloy Vít xoắn rộng đường kính 3.5mm dài 10-50mm tương ứng độ dài ren 5/6/8/10/12/14/16mm. Đường kính mũ vít 6mm, bước ren 1.75, đường kính lõi vít 1.2mm, bước tăng 2mm Kèm long đèn	Cái	28	
93	Vít xoắn rộng nòng 4.5mm, titan (đã bao gồm long đèn)	Chất liệu: titanium alloy Vít xoắn rộng đường kính 4.5mm dài 30-60mm tương ứng chiều dài ren 6/8/10/12/14/16/18/20/22/24mm. Đường kính mũ vít 7mm, bước ren 1.75mm, đường kính lõi vít 1.7mm Kèm long đèn	Cái	28	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
94	Vít xóp rộng nông 7.3mm, titan (đã bao gồm long đèn)	Chất liệu: titanium alloy Vít xóp rộng đường kính 7.3mm dài 60-110mm, chiều dài ren 18/32mm, đường kính lõi 2.7mm bước tăng 5mm Kèm long đèn	Cái	28	
95	Vít xương cứng 2.7, tự taro, titan	Chất liệu: titanium alloy Vít xương cứng đường kính 2.7mm dài 4-16mm bước tăng 1mm, 18-48mm bước tăng 2mm, 50-60 bước tăng 5mm Tự taro	Cái	180	
96	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro, titan	Chất liệu: titanium alloy Vít xương cứng 3.5mm dài 10-50mm Tự taro, bước tăng 2mm	Cái	300	
97	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro, titan	Chất liệu: titanium alloy Vít xương cứng 4.5mm dài 20-60mm Tự taro, bước tăng 2mm	Cái	300	
6. Bộ nẹp vít 6					
98	Nẹp mini, phải, trái, các loại các cỡ, titan nguyên chất 99,6%	Chất liệu nẹp từ Titan nguyên chất. Chữ L: Độ dày nẹp: 1.0 mm, bề rộng phần đầu nẹp 11.9 mm, bề rộng phần thân nẹp: 5.1 mm, số lỗ phần đầu nẹp: 2 lỗ, số lỗ trên thân nẹp 2/3/4/5/6/7/8 lỗ, tương ứng chiều dài nẹp là 21/27/33/39/45/51/57mm phân biệt trái/phải, khoảng cách giữa các lỗ 6.0mm. Chữ T: Đầu 2 lỗ, độ dày nẹp: 1.0 mm, bề rộng phần đầu nẹp 12.6 mm, bề rộng phần thân nẹp: 5.1 mm. Số lỗ trên thân 2/3/4/5/6/7/8/9 lỗ, tương ứng chiều dài nẹp là 22/29/36/43/50/57/64/71mm, khoảng cách giữa các lỗ 7.0mm. Nẹp thẳng: Độ dày nẹp: 1.2 mm, bề rộng phần thân nẹp: 5.0 mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 6.0mm, số lỗ: 3/4/5/6 lỗ, tương ứng chiều dài nẹp là 17/23/29/35mm.	Cái	39	
99	Nẹp khóa đầu dưới xương chày, phải, trái, các cỡ, titan nguyên chất 99,6%	Chất liệu nẹp từ Titan nguyên chất. Nẹp khóa đầu dưới xương chày ngoài: Độ dày nẹp: 4.0 mm, bề rộng đầu nẹp: 26.5 mm, bề rộng thân nẹp: 15.0 mm, số lỗ: 5/6/7/8/9/10/11/12/ 13 lỗ, tương ứng độ dài nẹp là 120/135/150/165/180/195/210/225/240 mm (khoảng cách giữa các lỗ: 15.0 mm). Nẹp khóa đầu dưới xương chày trong: Nẹp khóa đa trục linh hoạt khi bắt vít theo các hướng khác nhau. Độ dày đầu nẹp: 2.8mm, độ dày phần thân nẹp: 4.0 mm, bề rộng đầu nẹp: 22 mm, bề rộng thân nẹp: 15.5 mm, số lỗ phần đầu nẹp 8 lỗ, số lỗ phần thân nẹp: 5/7/9/11/13/15 lỗ, tương ứng độ dài nẹp là 116/137/158/178/199/220 mm (khoảng cách giữa các lỗ phần thân: 10.5 mm).	Cái	26	
100	Nẹp khóa đầu dưới xương quay, phải trái, các cỡ, titan nguyên chất 99,6%	Chất liệu nẹp từ Titan nguyên chất. Loại phần đầu nẹp có 3 lỗ. Độ dày phần đầu nẹp: 3.0 mm, độ dày phần thân nẹp: 2.3mm, bề rộng đầu nẹp: 22.0mm, bề rộng thân nẹp: 9.5 mm, số lỗ trên thân nẹp: 3 lỗ/4 lỗ, tương ứng chiều dài nẹp là 46/55 mm (khoảng cách giữa các lỗ phần thân: 8.5 mm) Loại phần đầu nẹp có 4 lỗ. Độ dày phần đầu nẹp: 3.0 mm, độ dày phần thân nẹp: 2.3mm, bề rộng đầu nẹp: 26.6mm, bề rộng thân nẹp: 9.5 mm, số lỗ trên thân nẹp: 3/4/5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ, tương ứng chiều dài nẹp là 49/57/66/74/83/91/100/108/117/125 mm (khoảng cách giữa các lỗ phần thân: 8.5 mm).	Cái	39	
101	Nẹp khóa lòng máng, các cỡ, titan nguyên chất 99,6%	Chất liệu Nẹp từ Titan nguyên chất. Độ dày nẹp: 2.0 mm, bề rộng nẹp: 9.0 mm. Số lỗ của nẹp: 6/7/8/9/10/12 lỗ, tương ứng độ dài nẹp là 73/85/97/109/121/133mm (khoảng cách giữa các lỗ : 12.0 mm),	Cái	40	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
102	Nẹp khóa ốp mâm chày trong, ngoài, phải, trái, các cỡ, titan nguyên chất 99,6% .	Chất liệu nẹp từ Titan nguyên chất. Nẹp khóa mâm chày trong: Độ dày nẹp: 4.0 mm, bề rộng đầu nẹp: 36.2 mm, bề rộng thân nẹp: 15.0 mm, số lỗ: 3/4/5/6/7/8/9/11/13 lỗ tương ứng độ dài nẹp là 81/97/113/129/145/161/177/209/241 mm (khoảng cách giữa các lỗ: 16.0 mm) Nẹp khóa mâm chày ngoài: Độ dày nẹp: 3.0 mm, bề rộng đầu nẹp: 29.6 mm, bề rộng thân nẹp: 15.0 mm, số lỗ: 3/5/7/9/11/13 lỗ tương ứng độ dài nẹp là 88/118/148/178/208/238 mm (khoảng cách giữa các lỗ: 15.0 mm)	Cái	65	
103	Nẹp khóa ốp mâm chày, chữ T giữa phải, trái, các cỡ, titan nguyên chất 99,6%	Chất liệu nẹp từ Titan nguyên chất. Nẹp khóa mâm chày giữa (mâm chày chữ T): Độ dày nẹp: 4.0 mm, bề rộng đầu nẹp: 33.4 mm, bề rộng thân nẹp: 14.5 mm, số lỗ: 4 lỗ độ dài nẹp từ 96 mm (khoảng cách giữa các lỗ: 16.0 mm)	Cái	60	
104	Nẹp khóa xương cẳng tay - bản nhỏ, thẳng, các cỡ, titan nguyên chất 99,6%.	Chất liệu nẹp từ Titan nguyên chất. Độ dày nẹp: 3.4 mm, bề rộng nẹp: 11.1 mm, số lỗ: 3/4/5/6/7/8/9/10/11/12/14/16 lỗ tương ứng độ dài nẹp là 38/50/62/74/86/98/110/122/134/146/170/194mm (khoảng cách giữa các lỗ: 12.0 mm)	Cái	35	
105	Nẹp khóa xương đòn, trái, phải, các cỡ, titan nguyên chất 99,6%.	Chất liệu nẹp từ Titan nguyên chất. Độ dày nẹp: 3.5 mm, bề rộng nẹp: 10.0 mm, số lỗ: 6/7/8/9 lỗ, tương ứng độ dài nẹp là 78/87/97/106 mm.	Cái	35	
106	Nẹp khóa xương đùi - bản rộng, các cỡ, titan nguyên chất 99,6% .	Chất liệu nẹp từ Titan nguyên chất. Độ dày nẹp: 5.2 mm, bề rộng nẹp: 17.5 mm, số lỗ: 6/7/8/9/10/11/12/14/16 lỗ tương ứng độ dài nẹp là 103/119/135/151/167/183/199/ 231/263 mm (khoảng cách giữa các lỗ: 16.0 mm),	Cái	50	
107	Vít D 2,0mm, các cỡ, titan TiAl6V4	Chất liệu hợp kim titan. Đầu vít tự taro, đường kính vít 2.0 mm, đường kính lõi vít 1.3mm, đường kính mũ vít 4.0mm, chiều dài vít từ 6-40mm, bước tăng 2mm; mũ vít lục giác.	Cái	140	
108	Vít khóa D 4,5 mm, các cỡ, titan TiAl6V4	Chất liệu hợp kim titan. Đầu vít tự taro, mũ vít lục giác. Đường kính vít 4.5mm, đường kính lõi vít 3.0mm, đường kính mũ vít 8.0mm, chiều dài vít từ 12 - 58mm bước tăng 2mm, chiều dài 60 - 85mm bước tăng 5mm	Cái	600	
109	Vít khóa 3,5 mm, các cỡ, titan TiAl6V4	Chất liệu hợp kim titan; Đầu vít tự taro, mũ vít lục giác, đường kính vít 3.5mm, đường kính lõi vít 2.4mm, đường kính mũ vít 5.3mm, chiều dài vít từ 12- 48mm bước tăng 2mm; chiều dài từ 50 - 80mm bước tăng 5mm	Cái	600	
110	Vít khóa xóp 3,5 mm, các cỡ, titan TiAl6V4	Chất liệu hợp kim titan; Đầu vít tự taro, đường kính vít 3.5mm, đường kính lõi vít 1.9mm, đường kính mũ vít 5.3mm, chiều dài vít từ 14 - 38mm bước tăng 2mm; từ 40-60mm bước tăng 5mm; mũ vít lục giác.	Cái	600	
111	Vít vỏ D 4,5 mm, các cỡ, titan TiAl6V4	Chất liệu hợp kim titan. Đầu vít tự taro, đường kính vít 4.5mm, đường kính lõi vít 3.0mm, đường kính mũ vít 8.0mm, chiều dài vít từ 12 - 58mm bước tăng 2mm; từ 60 - 85mm bước tăng 5mm. mũ vít lục giác.	Cái	350	
112	Vít vỏ 3,5 mm, các cỡ, titan TiAl6V4	Chất liệu hợp kim titan. Đầu vít tự taro, đường kính vít 3.5mm, đường kính lõi vít 2.4mm, đường kính mũ vít 6.0mm, chiều dài vít từ 12 - 50mm bước tăng 2mm, mũ vít lục giác.	Cái	400	
113	Vít xóp khóa, D 5,5 mm, titan TiAl6V4	Chất liệu hợp kim titan; Đầu vít tự taro, đường kính vít 5.5mm, đường kính lõi vít 2.5mm, đường kính mũ vít 8.0mm, chiều dài vít từ 30 - 90mm, mũ vít lục giác.	Cái	300	

7. Vật tư phẫu thuật chấn thương chỉnh hình không theo bộ

7.1. Đinh các loại

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
114	Đỉnh chốt titan căng chân các cỡ	- Đỉnh đường kính 8,9,10 mm với chiều dài : 255, 270, 285, 300, 315, 330, 345, 360, 375 mm; + Vít chốt đường kính 4.8mm với chiều dài: 30 --> 80mm, gia số tăng 5mm. + Vít chốt đường kính 4.3mm với chiều dài: 25 --> 80mm, gia số tăng 5mm.	Cây	60	
115	Đỉnh chốt titan đùi các cỡ	- Đỉnh đường kính 9,10,11 mm với chiều dài : 340, 360, 380, 400, 420 mm; + Vít Gamma đường kính 6.4mm với chiều dài 70-115mm, gia tăng số 5mm; + Vít chốt đường kính 4.7 mm với chiều dài : 26-->60 mm, gia số tăng 2mm, 64-->84mm gia tăng số 4mm.	Cây	80	
116	Bộ đỉnh nội tủy GAMMA dùng vít nén ép tích hợp	Chất liệu titanium alloy + Đường kính 9/10/11/12mm, dài 180mm/ 200mm tương ứng đoạn đầu xa dài 72.8mm/ 92.8mm + Đường kính đầu đỉnh 16.25mm, đường kính lõi 5.3mm. Khoảng cách từ vít đến đầu trên của đỉnh 44mm, góc vít với đỉnh 125 độ. + Dùng vít nén đường kính 7mm, dài 30/60-120mm, bước tăng 5mm + Dùng vít khóa tích hợp đường kính 10mm, dài 65-120mm, bước tăng 5mm + Dùng vít chốt ngang đường kính 5mm, dài 26-80mm, bước tăng 2mm, dài 85-100mm, bước tăng 5mm + Dùng nắp lõi đỉnh nén vít đầu gần dài 15mm + Dùng nắp bịt lỗ đỉnh đỉnh 14/17mm	Bộ	20	
117	Bộ đỉnh nội tủy GAMMA II	Chất liệu titanium alloy + Đỉnh nội tủy rộng nòng GAMMA II: Đường kính 9.2/10/11/12mm, dài 170/ 200/ 240mm Đỉnh nội tủy rộng nòng GAMMA II (dài): Loại trái/ phải, đường kính 9.2/10/11mm, dài 320/ 340/ 360/ 380/ 400/ 420/ 440mm + Đường kính đầu đỉnh 16mm, đường kính lõi 4.2mm, khoảng cách từ vít đến đầu đỉnh 43mm, góc vít với đỉnh 130 độ. + Dùng vít khoá gama II đường kính 10mm, dài 70-120mm. + Dùng vít chốt ngang đường kính 5mm, dài 26-80mm, bước tăng 2mm, dài 85-100mm, bước tăng 5mm +Dùng nắp đỉnh 25mm hoặc 40mm.	Bộ	15	
118	Bộ đỉnh nội tủy xương chày rộng nòng đa hướng, titan	Chất liệu titanium alloy Đường kính 8.5/9/10/11mm dài 255/270/285/300/315/330/345/360/375mm bước tăng 15mm Đường kính lõi 4.2mm, góc nghiêng 10 độ Dùng vít chốt ngang 4.5mm x 24-88mm bước tăng 2mm Dùng vít chốt ngang xóp 4.8mm x 25-90mm bước tăng 5mm Dùng nắp đỉnh tiêu chuẩn hoặc nắp đỉnh dài bổ sung 5/10/15mm	Bộ	60	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
119	Bộ đinh nội tủy xương đùi đa hướng rỗng nòng GAMMA (dùng cho thân xương đùi), titan	<p>Chất liệu titanium alloy. Đường kính lõi 5.1mm, góc nghiêng 6 độ. Đường kính 9.5/10/11mm, dài 320 - 440mm. + Đinh nội tủy rỗng nòng GAMMA III: loại chuẩn: dùng cho gãy thân xương đùi + Dùng 2 vít chốt ngang đường kính 5.0mm, dài 26-80mm, bước tăng 2mm, dài 85-100mm, bước tăng 5mm cho đầu xa + Dùng 2 vít chốt ngang đường kính 5.0mm cho đầu gần, từ đỉnh mấu chuyển lớn xuống mấu chuyển bé tạo góc với đỉnh 45 độ. + Dùng nắp đỉnh tiêu chuẩn hoặc nắp đỉnh dài bổ sung 5/10/15/20mm</p>	Bộ	15	
120	Bộ đinh nội tủy xương đùi đa hướng rỗng nòng GAMMA (dùng cho vùng liên mấu chuyển và thân xương đùi), titan	<p>Chất liệu titanium alloy. Đường kính lõi 5.1mm, góc nghiêng 6 độ. Đường kính 9.5/10/11mm, dài 320 - 440mm. + Đinh nội tủy rỗng nòng GAMMA III: loại tái tạo: dùng cho gãy thân xương đùi và gãy liên mấu chuyển + Dùng 2 vít khóa GAMA III đường kính 6.4mm, dài 65 - 115mm với bước tăng 5mm hướng cổ xương đùi tạo góc với đỉnh 50 độ. + Dùng 2 vít chốt ngang đường kính 5mm, dài 26-80mm, bước tăng 2mm, dài 85-100mm, bước tăng 5mm + Dùng nắp đỉnh tiêu chuẩn hoặc nắp đỉnh dài bổ sung 5/10/15/20mm.</p>	Bộ	15	
121	Đinh Kirschner đường kính 1.0/1.5/2.0/2.5/3.0/3.5/4.0/4.5/5.0mm	Đường kính 0.8 - 2.5mm x 200 - 300 mm. Chất liệu thép không gỉ (Stainless Steel).	Cái	200	
122	Đinh nội tủy rỗng nòng có chốt đường kính 9.4/ 10/ 11 cho xương đùi, dài 320-420mm. Chất liệu titanium.	<p>- Đinh nội tủy rỗng nòng xương đùi dk thân 9.4/10/11, dài 320mm-420mm, đầu đinh dk 13.5mm, hướng vít 135 độ, sử dụng vít cổ 7.0mm, dài 65mm-110mm, bước ren tăng 5mm. - Thân sử dụng vít chốt dk 5.0mm, dài 25mm-85mm, bước ren tăng 5mm. - Chất liệu titanium.</p>	Bộ	65	
123	Đinh nội tủy rỗng nòng dk 8.4/9/10/11mm cho xương chày, chất liệu titanium.	<p>- Đinh nội tủy rỗng nòng dk thân 8.4/9/10/11mm cho xương chày. đầu đinh dk 12mm, nghiêng góc 10 độ dài 47mm. - Sử dụng vít chốt 4.5mm, dài 25mm-65mm, vít chốt dk 5.0mm, dài 25mm-85mm. - Dùng khung định vị 3 chiều. - Chất liệu titanium.</p>	Bộ	65	
7.2. Khung, nẹp cố định					
124	Nẹp bất động cẳng chân	Sử dụng đinh: Φ4.0mm x 90mm; Φ5.0mm x 110mm, Φ6mm x 120-130mm.	Bộ	10	
125	Nẹp bất động đùi	Sử dụng đinh: Φ6mm x 130mm.	Bộ	10	
7.3. Khớp háng các loại					

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
126	Khớp háng toàn phần nhân tạo chuyển động đôi không xi măng	<p>1. Chòm + Lớp đệm: được thiết kế lắp sẵn với nhau; chòm Ceramic Ceralepine đk 28mm tương ứng ổ cối size 48-60mm. Tiệt trùng sẵn bằng tia gamma.</p> <p>2. Ổ cối (cup): bề mặt ngoài có 2 lớp: lớp bên dưới phủ bột titanium, lớp bên trên phủ lớp hydroxyapatite toàn phần, vành ngoài có 6 đỉnh cố định chống xoay; đỉnh ổ cối có 4 đỉnh chống lật và xoay. Bề mặt bên trong được đánh bóng cao. Vật liệu: Hợp kim Cobalt - Chrome - molybdenum. Kích cỡ: 44-60 mm với bước tăng 2 mm. Chén đóng ổ cối được thiết kế gắn sẵn với cup, đóng gói tiệt trùng sẵn bằng tia gamma.</p> <p>3. Chuôi xương đùi (cuống xương đùi): Góc cổ chuôi 135 độ. Vật liệu: hợp kim Titanium 6 - Aluminium 4 - Vanadium (TA6V Alloy), được phủ 2 lớp gồm 1 lớp bột titanium (T40) và 1 lớp hydroxyapatite. Cổ chuôi 12/14 5040', hình ê-líp và được đánh bóng gương. Kích cỡ: 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16. Rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Tiệt trùng sẵn bằng tia gamma.</p>	Bộ	9	
127	Bộ Khớp háng toàn phần không Xi măng , Chòm 28/32mm, góc cổ chuôi 135 độ	<p>Chuôi không xi măng chất liệu TiAl6V4, công nghệ phủ HA đầu gần hoặc toàn phần giúp kích thích sinh xương, Cấu tạo pure titanium implatan® Titan TiAl6V4-forged alloy phủ tổ ong 60% bề mặt 330 - 390µm tăng độ vận xoắn, độ đàn hồi elasticity 3GPa. Góc cổ chuôi CCD 135 độ, cổ chuôi cỡ 12/14, cỡ chuôi các 8/9/10/11/12/13/14/15/16/18/20. tương ứng 114,5mm/129,5mm/139,4mm/144,4mm/149,4mm/154,3mm/159,4mm/164,4mm/169,4mm/179,4mm/189,4mm.</p> <p>Chòm : Chất liệu CoCrMo ISO 5832-12. Các cỡ 28/32mm (K(-3,5),M(0),L(+3,5),XL(+7) cổ đầu 12/14</p> <p>Lớp đệm: chất liệu polyethylene cao phân tử UHMWPE, các cỡ: 28/32mm, nghiêng 10 độ chống trật.</p> <p>Ổ cối: Cấu tạo bằng titanium (TiAl6V4) công nghệ phủ Titan thuần. Kích thước: 46/48/50/52/54/56/58/60/62/64/66/68mm. Trên ổ cối có 3 lỗ để bắt vít ổ cối</p> <p>Vít ổ cối: chất liệu TiAl6V4, các cỡ từ 15-80mm bước tăng 5mm, đường kính 6.5mm</p>	Bộ	22	
128	Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi phủ HA toàn phần, góc xoay 135 độ	<p>Chuôi không xi măng chất liệu TiAl6V4, công nghệ phủ HA đầu gần hoặc toàn phần giúp kích thích sinh xương, Cấu tạo pure titanium implatan® Titan TiAl6V4-forged alloy phủ tổ ong 60% bề mặt 330 - 390µm tăng độ vận xoắn, độ đàn hồi elasticity 3GPa. Góc cổ chuôi CCD 135 độ, cổ chuôi cỡ 12/14, cỡ chuôi các 8/9/10/11/12/13/14/15/16/18/20. tương ứng 114,5mm/129,5mm/139,4mm/144,4mm/149,4mm/154,3mm/159,4mm/164,4mm/169,4mm/179,4mm/189,4mm</p> <p>Chòm chất liệu CoCrMo ISO 5832-12, đường kính 22, 28mm (K(-3,5),M(0),L(+3,5),XL(+7) cổ đầu 12/14</p> <p>Chòm kép bên ngoài chất liệu bằng CoCrMo ISO 5832-4 , bên trong bằng nhựa , đường kính ngoài từ 38-62mm, bước tăng 2mm</p>	Bộ	20	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
129	Khớp háng toàn phần không xi măng COP, chuỗi phủ HA toàn phần, góc xoay 135 độ, Ổ cối phủ HA có 3 lỗ bắt vít, sử dụng head 32 và head 36	<p>Chuôi không xi măng chất liệu TiAl6V4, công nghệ phủ HA đầu gần hoặc toàn phần giúp kích thích sinh xương, Cấu tạo pure titanium implatan® Titan TiAl6V4-forged alloy phủ tổ ong 60% bề mặt 330 - 390μm tăng độ vận xoắn, độ đàn hồi elasticity 3GPa. Góc cổ chuỗi CCD 135 độ, cổ chuỗi cỡ 12/14, cỡ chuỗi các 8/9/10/11/12/13/14/15/16/18/20. tương ứng 114,5mm/129,5mm/139,4mm/144,4mm/149,4mm/154,3mm/159,4mm/164,4mm/169,4mm/179,4mm/189,4mm.</p> <p>Chòm: Biolox Delta mixed oxide Al2O3& ZrO2, hình cầu. Đường kính 28(-3.5,0,+3.5), 32/36(-4,0,+4), kích cỡ S-L.</p> <p>Ổ cối có 2 phần, bên trong Titan nguyên chất TiAl6V4 chuẩn, Bên ngoài phủ HA 90±30μm kích thích sinh xương theo tiêu chuẩn, có 3 lỗ bắt vít ổ cối với thiết bị khóa đặt biệt tránh độ ma sát giữa ổ cối và lớp lót, kích thước 46-68 mm.</p> <p>Lớp đệm: chất liệu PE siêu liên kết crosslinked UHMWPE, bức xạ Gamma 75±5 kGy, chống trật 10 độ, kích cỡ 28/39-44-48-52, 32-36/44-48-52. Nút lớp đệm cấu tạo bằng hợp kim TiAl6V4, vít ổ cối.</p>	Bộ	9	
130	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi phủ HA toàn phần, góc xoay 135 độ, Ổ cối phủ HA có 3 lỗ bắt vít, sử dụng head 32 và head 36	<p>Chuôi không xi măng chất liệu TiAl6V4, công nghệ phủ HA đầu gần hoặc toàn phần giúp kích thích sinh xương, Cấu tạo pure titanium implatan® Titan TiAl6V4-forged alloy phủ tổ ong 60% bề mặt 330 - 390μm tăng độ vận xoắn, độ đàn hồi elasticity 3GPa. Góc cổ chuỗi CCD 135 độ, cổ chuỗi cỡ 12/14, cỡ chuỗi 8/9/10/11/12/13/14/15/16/18/20. tương ứng 114,5mm/129,5mm/139,4mm/144,4mm/149,4mm/154,3mm/159,4mm/164,4mm/169,4mm/179,4mm/189,4mm.</p> <p>Chòm: Chất liệu CoCrMo. Các cỡ 28/32mm (K(-3,5),M(0),L(+3,5),XL(+7) cổ đầu 12/14</p> <p>Lớp đệm: chất liệu polyethylene cao phân tử siêu liên kết crosslinked UHMWPE tiệt trùng bằng công nghệ gama, với các cỡ: 32mm (đường kính trong), nghiêng 10 độ chống trật.</p> <p>Ổ cối: Cấu tạo bằng titanium (TiAl6V4). Kích thước: 46/48/ 50/52/54/56/ 58/60/62/64/66/68mm. Trên ổ cối có 3 lỗ để bắt vít ổ cối</p> <p>Vít ổ cối chất liệu TiAl6V4, các cỡ từ 15/20/25/30/35/40/ 45/50/55/60/65/70/75/80mm, đường kính 6.5mm</p>	Bộ	13	
131	Khớp háng bán phần - chuỗi dài không xi măng	<p>1. Chòm bán phần (số lượng: 01 cái) Mặt ngoài Cobalt Chrome, độ nhám ≤ 0.02 μm, lớp lót PE siêu phân tử liên kết chéo (UHMWPE) ≥ 5mm. Có vòng khóa trong chống tuột chòm. Đường kính ngoài từ 38 - 56mm (bước tăng 1mm), đường kính trong 22.2 và 28mm.</p> <p>2. Chòm khớp (số lượng: 01 cái). Chất liệu Cobalt Chrome. Kích thước 22.2mm (0mm, +3mm, +6mm, +9mm), 28mm (-3mm, 0mm, +2,5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm), taper 12/14.</p> <p>3. Chuôi dài không xi măng (số lượng: 01 cái) Vật liệu hợp kim Titanium, dạng hình nêm 3 chiều và cổ tron, bề mặt phun Titanium Plasma toàn thân, góc cổ thân 130 độ, taper 12/14, cuối chuỗi vuốt nhọn. Có 2 dạng: dạng thẳng (dài 180mm với 7 lựa chọn đường kính đầu xa từ 11mm-18mm) và dạng cong (dài 230mm, có 7 lựa chọn đường kính đầu xa từ 11mm-18mm với mỗi bên trái, phải)</p>	Bộ	9	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
132	Khớp háng toàn phần không xi măng	<p>1. Ổ cối không xi măng (số lượng: 01 cái) Vật liệu hợp kim Titanium, phun TiPlasma dày 0.5mm và phủ Hydroxyl apatite (HA) 0.08mm. Hình bán nguyệt với 12 chốt khóa chống xoay. Có 14 cỡ từ 44-70mm (bước chuyển 2mm). Có loại ít lỗ vít hoặc nhiều lỗ vít, các lỗ vít mở hướng xoay 32 độ. Cạnh ổ cối có đánh dấu laser chỉ hướng. Các lỗ bắt vít có nút chặn.</p> <p>2. Lớp lót Ceramic (số lượng: 01 cái) Vật liệu Ceramic. Đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm, 40mm.</p> <p>3. Chòm xương đùi Ceramic (số lượng: 01 cái) Vật liệu Ceramic, hình cầu, taper 12/14, các cỡ: 28mm(-2.5mm, +1mm, +4mm), 32mm(-3mm, +1mm, +5mm; +8mm), 36mm(-3mm, +1mm, +5mm; +9mm), 40mm (-3mm, +1mm, +5mm, +9mm)</p> <p>4. Chuôi xương đùi không xi măng (số lượng: 01 cái) Loại cổ định đầu gấn, dạng nêm 2 chiều có rãnh và cổ trơn, chất liệu hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma dày 0.5mm. Góc cổ thân 130°, taper 12/14. Các cỡ từ #1, #2, #3, #4, #5, #6, #7, #8, #9, #10, #11, #12, #13, #14 tương ứng với độ rộng bề ngang: 22.8mm, 23.6mm, 25mm, 26.5mm, 27.5mm, 28.5mm, 29.5mm, 30.5mm, 31.5mm, 32.5mm, 34mm, 35.5mm, 37.5mm, 39.5mm, 41.5mm, 43.5mm. Có 02 loại offset: Offset thường có 14 cỡ (từ 1 - 14) dài từ 125-161mm; Offset dài: có 14 cỡ (từ 1-14) dài từ 125-161mm.</p> <p>5. Vít ổ cối Titanium (số lượng: 02 cái): mũ lục lăng, đường kính 6.5mm với các độ dài 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm, 40mm, 45mm, 50mm.</p>	Bộ	9	

7.4. Phẫu thuật nội soi

133	Đầu đốt bằng sóng cao tần	<ul style="list-style-type: none"> - Đi kèm với máy cắt đốt tần số sóng vô tuyến. Nhà thầu cam kết cho mượn máy này nếu trúng thầu. - Lưỡi cắt đốt năng sóng Radio frequency, đường kính 3.75mm, góc cong 90 độ, chiều dài 160mm - Đầu đốt cao tần dùng cho phẫu thuật nội soi khớp. 	Cái	55	
134	Dây nước dùng trong nội soi khớp	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng cho phẫu thuật nội soi khớp. - Dây dẫn nước áp lực trong nội soi khớp. - Số lượng: 10 cái / hộp. - Bao gồm điều khiển bằng tay khừ trùng. 	Cái	50	
135	Lưới bào nội soi	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế: Lưới bào rộng cho phép bào được phía trước và bên hông. Thiết kế có răng hoặc không răng - Đường kính: 2.0; 3.0; 3.5; 3.8; 4.0; 4.2; 5.0; 5.5mm - Dùng 1 lần, bào cắt lọc mô xơ, thiết kế rỗng lòng để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài, giúp trường phẫu thuật trong suốt. 	Cái	50	
136	Vít neo cổ định dây chằng chéo, chiều dài 15 - 60mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: 30% biphasic calcium phosphate và 70% PLDLA. - Thiết kế: Vít có bước răng lớn và đường ren nổi bật cùng với thiết kế lỗ trên toàn bộ chiều dài vít cho phép xương phát triển bên trong, tua vít loại bỏ mô-men xoắn cho phép bắt vít nhanh hơn. 	Cái	15	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
137	Vít neo cố định dây chằng đường kính nút Titanium (3.4 mm × 13 mm)	- Chất liệu: Nút Titanium (3.4 mm × 13 mm) được kết nối với vòng polyethylene - Thiết kế: Vít tái tạo dây chằng chéo trước Tightrope ACL, được thiết kế để được gắn cố định vào vỏ xương, được làm từ nút titanium nối với vòng dây polyethylene. Vật tư được bện bên trong, tạo thành 2 vòng dây kết nối với nhau và được rút ngắn bằng cách căng kéo xen kẽ trên chỉ khâu của vật tư. Cấu trúc chỉ khâu có thể rút ngắn xuống đường kính vòng 11mm và cơ chế khoá 4 nút một chiều để cố định không nút thất có ma sát. Thiết kế độc quyền Tightrope cố định 4 điểm không nút thất chống lại sự dịch chuyển vòng và mang lại lực kéo tuyệt vời. Loại bỏ sự cần thiết của việc vật tư có quá nhiều cỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc ghép vào hốc xương ngắn trong khoan ACL. Tightrope còn cho phép kéo căng gân ghép sau khi đã cố định .	Cái	90	
138	Chỉ khâu sụn chêm (Fiber Tape)	Lõi bện nhiều sợi bằng hợp chất polyethylene cao phân tử (UHMWPE), bọc ngoài bện đan xen giữa polyester và UHMWPE Có tối thiểu các loại sau: Số 2-0,0,1,2,5, dài 95cm +5cm Thiết kế: Chỉ fiberwire có độ bền gấp 2 lần chỉ khâu thông thường, có độ dài 38inch và kim cắt ngược 1/2 vòng tròn	Cái	12	
139	Vít dây chằng chéo tự tiêu	- Chất liệu: 30% biphasic calcium phosphate và 70% PLDLA. - Thiết kế: Vít có bước răng lớn và đường ren nổi bật cùng với thiết kế lỗ trên toàn bộ chiều dài vít cho phép xương phát triển bên trong, tua vít loại bỏ mô-men xoắn cho phép bắt vít nhanh hơn	Cái	11	
140	Chỉ khâu sụn chêm (size 6,8,10)	Dùng để khâu tổn thương trong nội soi khớp vai và gối Chất liệu Fiber Wire dùng trong phẫu thuật nội soi khớp Kích cỡ chuẩn: 18 inches (45.7cm)/38inch (96.5cm) Vật liệu: Polyethylene Chỉ màu xanh, 1 đầu kim, kim đầu cắt ngược hình vòng tròn, chiều dài kim 26.5cm	Cái	70	
141	Vít chỉ neo khâu chóp xoay chất liệu	Dùng phẫu thuật nội soi khớp Dùng khâu tổn thương trong nội soi khớp Vật liệu: Chỉ FiverWire, Neo ren hoàn toàn không thất nút làm bằng B-TCP/PEEK, Biocomposite Kích cỡ 4,75x19.1mm	Cái	24	

III. BỘ KHỚP GỐI TOÀN PHẦN (1 mặt hàng)

STT	Tên hàng hóa	Tính năng thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
142	Bộ khớp gối toàn phần	<p>1. Lõi cầu đùi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Cobalt Chrome - Kích thước: Khớp mỗi bên trái và phải với bước nhảy 2mm/cỡ. - Đặc tính kỹ thuật: mặt trước nghiêng 5 độ, độ gập gối tối đa 155 độ. Rãnh bánh chè được thiết kế phù hợp với khớp gối tự nhiên <p>2. Lớp lót PE: Độ dốc sau 5° và cạnh trước cao 12.5mm.</p> <p>3. Mâm chày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc tính kỹ thuật: không có lỗ mặt trên, dạng module có đầu chờ để gắn thêm miếng ghép bù xương hoặc có thể gắn thêm chuỗi nối dài xuống xương chày. - Bộ khớp có thể gắn được các miếng ghép bù xương mâm chày. <p>Bộ khớp có chứng nhận tiêu chuẩn FDA và CE/ISO.</p>	Bộ	20	

* Hàng hóa và đặt tính kỹ thuật nêu trên đã được thông qua Hội đồng khoa học Kỹ thuật Bệnh viện. Các đơn vị chào giá có thể góp ý nếu hàng hóa và tính năng, thông số kỹ thuật trên chưa đầy đủ hoặc có tính chi định hoặc có thể đề xuất về đặc tính kỹ thuật, chất lượng tốt hơn với hàng hóa trên. Các đơn vị chào giá đóng góp ý kiến vui lòng gửi về Bệnh viện trước ngày hết hạn của Yêu cầu báo giá, để Bệnh viện hoàn thiện việc xây dựng tính năng kỹ thuật và tiến hành thực hiện trang bị sớm nhất.

Nhân sự soạn văn bản



Thân Trọng Thảo Nhi

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
VẬT TƯ - THIẾT BỊ Y TẾ



Lê Phú Lâm

Tên công ty:
Địa chỉ:

BÁO GIÁ

Kính gửi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA BƯU ĐIỆN

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số...../YCBG-BV ngày.....của Bệnh viện Đa khoa Bưu Điện, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]/báo giá cho các vật tư y tế, hóa chất y tế sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa sau:

STT	Tên hàng hoá	Đặc tính kỹ thuật	Chủng loại (model)	Mã HS	Xuất xứ	ĐVT	Đơn giá (+VAT)	Số lượng	Thành tiền	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu	Phân loại	Tiêu chuẩn chất lượng	Giá trúng thầu (nếu có)	Số TBTT/QĐTT hoặc hợp đồng trúng thầu (nếu có)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)

2. **Đính kèm:** Các tài liệu theo yêu cầu của Yêu cầu báo giá.

3. **Báo giá này có hiệu lực trong vòng:** ngày, kể từ ngày tháng..... năm.....[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày tháng..... năm..... [ghi ngàytháng.....năm..... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng... năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu)